

Số 931/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 461/TTr-SNN ngày 02/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư Pháp;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, DL.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Phát triển nông thôn	
1	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

1. Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản

a) Trình tự thực hiện

- Nông dân (hộ gia đình, cá nhân, trang trại) đem hợp đồng và biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản đến Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, thị trấn) đề nghị xác nhận;

- Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra và xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản trên.

b) Cách thức thực hiện: trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) với nông dân (*mẫu hợp đồng quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT*);

- Biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian giải quyết: Ngay khi tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nông dân.

e) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn: Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản (*Phụ lục I, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

- Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

Phụ lục I

MẪU HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN

(Kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ

Số:/20.... /HĐSXTT

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự năm 2005;

-

Hôm nay, ngày tháng năm 20.... tại

....., hai bên gồm:

BÊN A: DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN.....

Địa chỉ :

Điện thoại :Fax:

Mã số thuế :

Tài khoản :

Do ông/bà :

Chức vụ :

BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/ NÔNG DÂN

Do ông/bà :Chức vụ:..... làm đại diện.

CMND số :ngày cấpnơi cấp.....

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản :

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung chính

1. Bên B đồng ý Hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ).....cho bên A:

- Thời gian sản xuất: từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

- Diện tích:.....ha.

- Sản lượng dự kiến:.....tấn

- Địa điểm:.....

2. Bên A bán (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B giống, vật tư phục vụ sản xuất cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Diện tích sản xuất (ha)	Số lượng (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1.				
2.				
.....				
Tổng cộng				

3. Nếu bên B tự mua (*Tên giống hoặc vật tư*)..... :(*tên giống hoặc vật tư*) mà bên B tự mua phải là loại đạt tiêu chuẩn, chất lượng của giống....., được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B bán.....hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính:.....

- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm..... do hai bên đã thỏa thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp

1. Thời gian giao hàng.

2. Địa điểm giao, nhận hàng.

3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận.

Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng

1. Giống và vật tư nông nghiệp (*áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B*):

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động.

- Phương thức thanh toán.

- Thời hạn thanh toán.

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn: (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).

- Giá nông sản dự kiến (giá trên thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá....).

- Phương thức và thời điểm thanh toán.

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A

Điều 4. Trách nhiệm bên A

- Giới thiệu doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn*) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.

- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách và thời hạn đã cam kết (*đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất*)

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo quy cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A (*căn cứ theo lịch điều phối của bên A*).

- Cung cấp bao bì đựng.....cho bên B (*nếu có yêu cầu*) sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

Điều 5. Trách nhiệm bên B

- Bên B phải tuân thủ các quy trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo quy cách về phẩm chất, số lượng (*theo thực tế thu hoạch*), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.

- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng,

- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn (có danh sách kèm theo hợp đồng).

Điều 6. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay Phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp



đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành.....bản, mỗi bên giữ.....bản có giá trị ngang nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A